TỪ ĐỨC VĂN

MODULE THCS 4

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT THU THẬP, XỬ LÍ THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

## A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Môi trường giáo dục có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh nói chung, học sinh THCS nói riêng. Trong quá trình giáo dục, muốn tạo được những tác động tích cực từ môi trường đến việc học tập và rèn luyện đạo đức cho học sinh thì điều kiện tiên quyết đòi hỏi mỗi người giáo viên cần có những hiểu biết và có kĩ năng sử dụng các phương pháp, kĩ thuật thu thập, xử lí thông tin về môi trường giáo dục. Module THCS 4 được xây dựng nhằm giúp giáo viên ở các trường THCS có thể đáp ứng được những yêu cầu đó trong công tác giáo dục học sinh.

## B. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Giúp giáo viên THCS có thể sử dụng thành thạo, hiệu quả các phương pháp, kĩ thuật thu thập và xử lí thông tin về môi trường giáo dục THCS, từ đó có những tác động tích cực nhằm tạo ra một môi trường giáo dục thống nhất và hiệu quả cho học sinh.

### 2. Mục tiêu cụ thể

– Kiến thức:

+ Học viên nêu được các đặc điểm của môi trường giáo dục học sinh THCS.

+ Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của môi trường giáo dục đến việc học tập, rèn luyện của học sinh THCS.

+ Trình bày được các phương pháp và kĩ thuật thu thập, xử lí thông tin về môi trường giáo dục học sinh THCS.

– Kĩ năng:

Sử dụng tri thức của module này để nghiên cứu các module tiếp theo và giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn giáo dục ở cấp THCS hiện nay:

+ Có kĩ năng sử dụng các phương pháp và kĩ thuật thu thập, xử lí thông tin về môi trường giáo dục THCS.

+ Kĩ năng khắc phục những khó khăn trong việc thu thập và xử lí thông tin về môi trường giáo dục học sinh THCS để đạt được hiệu quả tối ưu.

– Thái độ:

+ Có thái độ học tập một cách khoa học, độc lập, tích cực và sáng tạo.

+ Có nhận thức và đánh giá đúng về ý nghĩa việc tìm hiểu các phương pháp và kĩ thuật thu thập, xử lí thông tin về môi trường giáo dục cho học sinh THCS.

+ Có nguyện vọng và quyết tâm vận dụng những tri thức đã học vào thực tiễn giáo dục của bản thân trong quá trình công tác hiện nay cũng như trong tương lai.

## C. NỘI DUNG

| TT | Nội dung | Thời gian |
|---|---|---|
| 1 | Khái quát về môi trường giáo dục THCS | 2 tiết |
| 2 | Phương pháp tìm hiểu môi trường giáo dục THCS | 5 tiết |
| 3 | Kĩ thuật xử lí thông tin về môi trường giáo dục THCS | 5 tiết |
| 4 | Đánh giá mức độ ảnh hưởng của môi trường giáo dục đối với học sinh THCS | 3 tiết |

## Nội dung 1

KHÁI QUÁT VỀ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

### 1.1. MỤC TIÊU

Sau khi học tập, nghiên cứu nội dung này, học viên sẽ:

– Trình bày được khái niệm, cấu trúc của môi trường giáo dục THCS.

– Phân tích được vai trò của môi trường giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh THCS.

– Hiểu rõ ý nghĩa, vai trò của người giáo viên THCS trong việc xây dựng môi trường giáo dục cho học sinh.

## 1.2. KIỂM TRA ĐẦU VÀO

Câu 1: Câu nói "Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng" muốn nói vai trò của yếu tố môi trường đối với sự phát triển nhân cách là:

a) Quyết định.

b) Chủ đạo.

c) Tiền đề.

d) Cả a, b, c đều sai.

Câu 2: Môi trường nào sau đây tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh THCS:

a) Kinh tế

b) Văn hoá

c) Gia đình

d) Nhà trường

e) Cả a và b

f) Cả c và d.

## 1.3. CÁC HOẠT ĐỘNG

### Hoạt động 1: Khái niệm môi trường, môi trường giáo dục Trung học cơ sở

Nhiệm vụ

- Đọc và tiếp nhận các thông tin về hoạt động.
- Thảo luận nhanh về khái niệm môi trường, vai trò của môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách.
- Từ việc hiểu khái niệm và vai trò của môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách, rút ra khái niệm về môi trường giáo dục học sinh THCS.

Thông tin cho hoạt động

- Khái niệm môi trường:

– Môi trường là toàn bộ các yếu tố tự nhiên và xã hội hiện hữu ảnh hưởng lớn đến đời sống và nhân cách con người. Môi trường bao quanh con người gồm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Môi trường tự nhiên gồm khí hậu, đất, nước, sinh thái... và môi trường xã hội là các điều kiện về kinh tế, chính trị, văn hoá...

– Hoàn cảnh được hiểu là một yếu tố hoặc là một môi trường nhỏ hợp thành của môi trường lớn; môi trường nhỏ tác động trực tiếp, mạnh mẽ, quyết liệt trong một thời gian, không gian nhất định tạo nên hướng hình thành và phát triển nhân cách, ví dụ hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hoàn cảnh bệnh tật ốm đau... Trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách thì môi trường xã hội (trong đó có gia đình, bạn bè, tập thể lớp, trường...), thông qua các mối quan hệ vô cùng phong phú, có ý nghĩa quan trọng đặc biệt.

- Vai trò của môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách:

– Mỗi con người, ngay từ khi mới sinh ra đã được sống trong một môi trường, hoàn cảnh nhất định, có thể gặp thuận lợi hoặc khó khăn đối với quá trình phát triển thể chất, tinh thần của cá nhân. Môi trường tự nhiên và xã hội với các điều kiện kinh tế, thể chế chính trị, hệ thống pháp luật, truyền thống văn hoá, chuẩn mực đạo đức... đã tác động mạnh mẽ đến quá trình hình thành và phát triển động cơ, mục đích, quan điểm, tình cảm, nhu cầu, hứng thú, chiều hướng phát triển của cá nhân. Thông qua hoạt động và giao lưu trong môi trường mà cá nhân chiếm lĩnh được các kinh nghiệm, giá trị xã hội loài người, từng bước điều chỉnh, hoàn thiện nhân cách của mình.

– Tác động của môi trường đối với sự phát triển của cá nhân là vô cùng mạnh mẽ, phức tạp, có thể rất tốt hoặc rất xấu, có thể cùng chiều hay ngược chiều, chủ yếu là theo con đường tự phát. Nó có mức độ ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực như thế nào, có được chấp nhận hay không trong quá trình phát triển nhân cách tuỳ thuộc phần lớn vào trình độ được giáo dục, đó là ý thức, niềm tin, quan điểm, ý chí và xu hướng, năng lực hoạt động, giao lưu góp phần cải biến môi trường của cá nhân. Chính vì vậy, C. Mác đã khẳng định: Hoàn cảnh sáng tạo ra con người, trong một mức độ con người lại sáng tạo ra hoàn cảnh.

Con người luôn luôn là một chủ thể có ý thức, tuỳ theo lứa tuổi và trình độ được giáo dục chứ không hoàn toàn bị động bởi những tác động xấu của môi trường làm biến đổi nhân cách tốt đẹp của mình. Ca dao, tục ngữ của ta cũng đã có câu ngợi ca về những con người có khi phải sống trong một môi trường, hoàn cảnh thấp kém nhưng phẩm chất, nhân cách vẫn không hề hoen ố: "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn".

– Cũng có những con người cùng sống chung trong môi trường, hoàn cảnh gia đình, nhưng nhân cách của họ phát triển theo hướng khác nhau. Như vậy, trong sự tác động qua lại giữa cá nhân và môi trường cần chú ý đến hai mặt của vấn đề:

+ Thứ nhất là tính chất tác động của môi trường, hoàn cảnh vào quá trình phát triển nhân cách của mỗi cá nhân.

+ Thứ hai là tính tích cực của cá nhân tác động vào môi trường, hoàn cảnh nhằm điều chỉnh, cải tạo nó phục vụ nhu cầu, lợi ích của mình, qua đó hình thành và phát triển nhân cách của chính mình.

Có thể khẳng định yếu tố môi trường có ảnh hưởng to lớn, quan trọng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách. Tuy nhiên, nếu tuyệt đối hoá vai trò của môi trường là phủ nhận vai trò ý thức, sáng tạo của chủ thể, đó là sai lầm về nhận thức luận. Do đó, phải đặt quá trình giáo dục, quá trình hình thành và phát triển nhân cách trong mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố để có sự đánh giá đúng đắn. Ngược lại, việc hạ thấp hoặc phủ nhận vai trò yếu tố môi trường cũng phạm sai lầm của thuyết "Giáo dục vạn năng".

• Khái niệm môi trường giáo dục THCS:

Từ việc hiểu khái niệm và vai trò của môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách nói chung, ta có thể hiểu môi trường giáo dục THCS như sau:

– *Môi trường giáo dục THCS là hệ thống các điều kiện, hoàn cảnh, các yếu tố bên ngoài và bên trong có ảnh hưởng trực tiếp tới sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh THCS.*

– Khi nói tới vai trò của môi trường giáo dục THCS đối với sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh ở cấp học này chủ yếu là muốn nói tới môi trường xã hội.

Môi trường xã hội được phân thành môi trường lớn và môi trường nhỏ:

+ Môi trường lớn (môi trường vĩ mô), được đặc trưng bởi các yếu tố như: chính trị, kinh tế, các quan hệ sản xuất.
+ Môi trường nhỏ (môi trường vi mô): là một bộ phận của môi trường lớn, trực tiếp bao quanh học sinh THCS như: gia đình, họ hàng, làng xóm, nhà trường, bạn bè...

## Hoạt động 2: Vai trò của môi trường giáo dục đối với việc học tập, rèn luyện của học sinh Trung học cơ sở

### Nhiệm vụ

- Đọc và tiếp nhận các thông tin về hoạt động.
- GV đưa ra câu hỏi yêu cầu học viên kể tên các loại môi trường giáo dục có ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc học tập và rèn luyện của học sinh THCS.
- Thảo luận nhanh về vai trò của các loại môi trường giáo dục đối với sự phát triển nhân cách học sinh THCS.
- Chính xác hoá lại nội dung thảo luận.

### Thông tin cho hoạt động

- Gia đình là môi trường sống đầu tiên của học sinh, đó là nơi sinh ra, nuôi dưỡng và giáo dục các em và cha mẹ là những nhà giáo dục đầu tiên. Nếp sống gia đình, mối quan hệ tình cảm của các thành viên, trình độ văn hoá, sự gương mẫu và phương pháp giáo dục của cha mẹ có ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển tâm lí, ý thức, hành vi của học sinh THCS.
- Nhà trường với sứ mệnh kép là đảm bảo truyền thụ kiến thức và giáo dục học sinh như là yếu tố môi trường bên ngoài có ảnh hưởng to lớn đến việc học tập, rèn luyện của học sinh THCS. Cụ thể, nhà trường là nơi tổ chức các hoạt động dạy học nhằm giúp các em chiếm lĩnh hệ thống kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo một cách hệ thống, là nơi giáo dục các phẩm chất đạo đức của nhân cách cho các em. Nhà trường giúp cho người học tự chủ và đào tạo người học trở thành một công dân có trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng, xã hội.
- Xã hội, với các truyền thống, giá trị, định hướng kinh tế chính trị và tôn giáo có ảnh hưởng gián tiếp tới việc dạy học và giáo dục học sinh nói

chung, học sinh THCS nói riêng. Môi trường xã hội có ảnh hưởng tới quá trình hình thành và phát triển nhân cách học sinh THCS thường qua hai hình thức là tự phát và tự giác. Những ảnh hưởng tự phát bao gồm các yếu tố tích cực và tiêu cực của đời sống xã hội vô cùng phức tạp do cá nhân tự lựa chọn theo nhu cầu, hứng thú, trình độ tự giáo dục của mình. Những ảnh hưởng tự giác là những tổ hợp tác động trực tiếp hay gián tiếp có hướng đích, có nội dung, có phương pháp, bằng nhiều hình thức của các tổ chức, cơ quan, đoàn thể xã hội.

– Tập thể và phương pháp tổ chức hoạt động của tập thể học sinh THCS như Đoàn Thanh niên có ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển nhân cách các em. Tập thể với tư cách là cộng đồng đặc biệt được tổ chức ở trình độ cao, có tôn chỉ mục đích, nội dung hoạt động, có kỉ luật, tạo điều kiện tốt cho học sinh THCS sống, hoạt động và giao lưu. Giáo dục hiện đại rất coi trọng giáo dục tập thể, coi tập thể là môi trường để các em được giao lưu, tương tác, hợp tác; là phương tiện để giáo dục học sinh THCS.

– Các nhóm bạn bè có ảnh hưởng hàng ngày, hàng giờ đến học sinh THCS, trong đó có nhóm bạn bè chính thức và không chính thức. Các nhóm bạn bè này có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến các thành viên trong nhóm trong quá trình học tập, sinh sống.

Tóm lại, môi trường giáo dục có tác động quan trọng tới sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh THCS. Cụ thể, môi trường góp phần tạo nên mục đích, động cơ, cung cấp phương tiện cho hoạt động và giao tiếp của học sinh, nhờ đó mà mỗi học sinh THCS chiếm lĩnh được những tri thức, kĩ năng, kĩ xảo, thái độ, hành vi và thói quen tốt đẹp trong học tập và cuộc sống.

– Phải đánh giá đúng vai trò của môi trường giáo dục đối với việc học tập, rèn luyện của học sinh THCS. Phải tổ chức cho học sinh tích cực tham gia vào việc cải tạo và xây dựng môi trường theo những yêu cầu của xã hội.

### 1.4. KIỂM TRA ĐẦU RA

Câu 1: Chỉ ra ý đúng, sai của câu tục ngữ "Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng" để có cách hiểu chính xác về vai trò của môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách.

Câu 2: Nếu là một người giáo viên chủ nhiệm lớp, anh (chị) sẽ giải quyết tình huống sau như thế nào?

Là địa phương tiếp giáp giữa nội thành và ngoại thành Hà Nội, một bộ phận thanh thiếu niên ở huyện X có biểu hiện vướng mắc phải tệ nạn xã hội. Minh Quân là một học sinh có cha mẹ làm nghề buôn bán nên vắng nhà thường xuyên, ở trường em có những biểu hiện không ngoan, trốn học, bỏ tiết, cãi lời thầy, cô giáo. Cô Hoa – giáo viên chủ nhiệm lớp đã nhiều lần viết thư gửi Minh Quân mang về cho bố mẹ tỏ ý muốn gặp gỡ gia đình nhưng không thấy gia đình hồi âm. Hiện tại, cô Hoa đang rất băn khoăn để tìm ra cách giải quyết thoả đáng nhất nhằm giúp đỡ Minh Quân học tập và tu dưỡng được tốt hơn.

Câu 3: Từ việc ảnh hưởng của các yếu tố xã hội, nhà trường, gia đình, tập thể và các tổ chức đoàn thể, nhóm bạn bè đến sự phát triển nhân cách học sinh, anh (chị) hãy rút ra những bài học sư phạm cho từng yếu tố và liên hệ với thực tiễn nơi anh (chị) công tác.

## Nội dung 2

### PHƯƠNG PHÁP TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

#### 2.1. MỤC TIÊU

Sau khi học tập, nghiên cứu nội dung này, học viên sẽ:

– Trình bày được các phương pháp tìm hiểu môi trường giáo dục THCS.

– Có kĩ năng vận dụng các phương pháp tìm hiểu môi trường giáo dục THCS vào các tình huống trong nghiên cứu tổ chức các hoạt động và thực tiễn giáo dục, dạy học của bản thân.

– Có thái độ học tập tích cực, chủ động, sáng tạo.

#### 2.2. KIỂM TRA ĐẦU VÀO

Câu 1: Theo anh (chị), việc tìm hiểu môi trường giáo dục THCS là chức năng của:

a) Giáo viên chủ nhiệm lớp

b) Giáo viên giảng dạy bộ môn

c) Ban giám hiệu nhà trường

d) Cả 3 đáp án trên.

Câu 2: Anh (chị) hãy kể tên các kĩ năng cơ bản và chuyên biệt mà một người giáo viên THCS cần phải có.

## 2.3. CÁC HOẠT ĐỘNG

### Hoạt động 1: Các phương pháp tìm hiểu môi trường giáo dục Trung học cơ sở

Nhiệm vụ

- Đọc và tiếp nhận các thông tin về hoạt động.
- Các học viên chia sẻ những trải nghiệm thực tế của mình về các phương pháp có thể sử dụng để tìm hiểu môi trường giáo dục THCS.
- Ghi chép nhanh tên các phương pháp và cách thức thực hiện từng phương pháp.
- Thảo luận về ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp.
- Kết luận các phương pháp thu thập thông tin về môi trường giáo dục THCS.

Thông tin cho hoạt động

- Phương pháp nghiên cứu hồ sơ học sinh

  Nghiên cứu học bạ, lí lịch của học sinh THCS và cha mẹ các em; nghiên cứu hồ sơ, sổ sách ghi chép của lớp. Học bạ của học sinh là hồ sơ ghi tương đối đầy đủ về tình hình học tập, tu dưỡng, khen thưởng và kỉ luật đối với mỗi học sinh. Nghiên cứu học bạ sẽ cho giáo viên hiểu khái quát về tình hình học sinh qua những năm học trước. Lí lịch cá nhân cho biết về hoàn cảnh xuất thân, các mối quan hệ trong gia đình và xã hội của học sinh. Nắm được lí lịch học sinh sẽ giúp GV lựa chọn được phương pháp tác động đến học sinh phù hợp và hiệu quả.

- Phương pháp quan sát, phỏng vấn và nghiên cứu sản phẩm hoạt động sư phạm

  Nghiên cứu sổ sách và hồ sơ của lớp giúp GV biết được tình hình khái quát của lớp. Tuy nhiên, nếu hoàn toàn dựa vào sổ sách ghi chép sẽ dẫn đến cách nhìn nhận quan liêu. Bởi vậy, người giáo viên THCS cần kiểm tra lại những thông tin thu được qua hồ sơ bằng việc quan sát hằng ngày các hoạt động tập thể, học tập, lao động, vui chơi, giải trí, thái độ, hành vi của học sinh trong lớp và ngoài lớp. Các sản phẩm lao động, học tập cũng phản ánh được sự phát triển nhân cách học sinh, vì thế, GV cần dựa vào đó để hiểu và nắm vững tình hình học sinh. Mặt khác, mỗi GV cần sắp xếp thời gian để có điều kiện đến thăm hỏi và trao đổi cùng với

gia đình, phụ huynh học sinh. Qua mỗi lần đến thăm hỏi, trò chuyện, GV sẽ thu được những thông tin hữu ích cho việc tìm ra các phương pháp, hình thức giáo dục tập thể học sinh và mỗi cá nhân học sinh.

- Sử dụng phương pháp điều tra viết để thu thập thông tin

– Thực chất của phương pháp này là sử dụng bảng hỏi đã được soạn sẵn với một hệ thống câu hỏi đặt ra cho nhiều người nhằm thu thập ý kiến của họ về vấn đề nghiên cứu.

+ Phiếu điều tra là một hệ thống câu hỏi đã được xếp đặt trên cơ sở các nguyên tắc và nội dung nhất định, nhằm tạo điều kiện cho người được hỏi thể hiện quan điểm của mình về vấn đề nghiên cứu và người nghiên cứu thu nhận được thông tin đáp ứng yêu cầu của đề tài và mục đích nghiên cứu.

+ Phiếu điều tra là công cụ đo lường quan trọng, đo những nhân tố nhất định có liên quan đến cá nhân người trả lời.

+ Trong giai đoạn chuẩn bị: Xây dựng phiếu điều tra là một nhiệm vụ quan trọng, giúp cho việc xây dựng chương trình nghiên cứu.

+ Trong giai đoạn thực hiện: Đối với những công trình nghiên cứu có sử dụng phiếu điều tra, phiếu điều tra sẽ giúp cho việc thu thập thông tin.

+ Trong giai đoạn xử lí thông tin: Phiếu điều tra đóng vai trò như nguồn mang thông tin được lấy ra từ phiếu điều tra.

– Các loại câu hỏi trong phiếu điều tra:

+ Câu hỏi mở: Là câu hỏi không chứa sẵn câu trả lời mà người trả lời tự bộc lộ ý kiến của mình theo vấn đề đặt ra; cho phép người được hỏi trả lời một cách tự do, có thể gạch đầu dòng hoặc trả lời thành đoạn văn.

+ Câu hỏi đóng: Là loại câu hỏi mang tính chất lựa chọn, trong đó đã có sẵn các phương án trả lời, người trả lời chỉ cần lựa chọn các phương án phù hợp với bản thân.

Các loại câu hỏi đóng: Có câu hỏi đóng lựa chọn và câu hỏi đóng tuỳ chọn.

◆ Câu hỏi đóng lựa chọn: Đặc điểm nổi bật của loại câu hỏi này là các câu trả lời được chuẩn bị trước của câu hỏi mang tính chất loại trừ lẫn nhau và người trả lời chỉ có thể lựa chọn một trong các phương án trả lời được đưa ra. Có câu lựa chọn một trong hai phương án, câu lựa chọn một trong nhiều phương án, câu lựa chọn có nhiều mức độ.

- Câu hỏi đóng tuỳ chọn: Người trả lời có thể lựa chọn một hay một vài phương án trả lời được đưa ra. Các phương án được đưa ra không nhất thiết loại trừ nhau.

  Việc xử lí các câu hỏi trên có thể định lượng bằng tính tần suất, tính điểm, tính giá trị trung bình... tuỳ thuộc vào từng loại câu hỏi.

– Yêu cầu chung về câu hỏi trong phiếu điều tra:

+ Diễn đạt câu hỏi phải cụ thể, rõ ràng, chính xác, dễ hiểu, tránh hiểu lầm hoặc có nhiều cách hiểu khác nhau.

+ Nên thiết kế các câu hỏi có khía cạnh ràng buộc lẫn nhau để đánh giá tính trung thực, chính xác của câu trả lời.

+ Các câu hỏi trong bảng hỏi phải phù hợp với đề tài và mục tiêu nghiên cứu.

+ Các câu hỏi không đặt ở mức độ thái quá mà luôn luôn đặt ở mức độ trung lập.

+ Nên có các câu hỏi kiểm tra lẫn nhau để đảm bảo độ trung thực, khách quan của câu trả lời.

– Thiết kế bảng hỏi:

  Bảng hỏi là chiếc cầu nối giữa người nghiên cứu và người trả lời. Chiếc cầu đó có đảm bảo hay không phụ thuộc rất nhiều vào sự chuẩn bị.

+ Xây dựng cấu trúc chung của phiếu điều tra:

+ Đặt tên cho phiếu điều tra: Trong phần đầu đối với mỗi bảng hỏi thường bắt đầu bằng việc đặt tên cho mỗi bảng hỏi. Trong đa số trường hợp, tên của bảng hỏi trùng với tên của đề tài nghiên cứu.

MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA

Phiếu trưng cầu ý kiến

( Dành cho.....)

Mở đầu: (– Nêu ý nghĩa, vai trò của vấn đề điều tra.

– Hướng dẫn cách trả lời bằng phiếu hỏi)

Nội dung: (Hệ thống các câu hỏi đóng và mở)

Cuối cùng: (Một vài thông số về cá nhân được hỏi:

Họ và tên, tuổi, nghề nghiệp...

Lời cảm ơn.

+ Xếp đặt trật tự các câu hỏi đi từ mức độ đơn giản đến mức độ phức tạp, từ vấn đề chung đến vấn đề riêng.

+ Lượng câu hỏi trong phiếu vừa phải, tránh quá tải; đảm bảo sự cân đối giữa câu hỏi đóng và câu hỏi mở.

+ Rà soát lại từng câu hỏi trong phiếu điều tra.

+ Những giải thích, chú thích cho bảng hỏi hoặc cho từng câu hỏi cần phải được in ấn để người học dễ nhận thấy nhất.

+ Chất giấy và khổ giấy của phiếu điều tra phải đảm bảo tính thẩm mĩ.

+ Tuỳ theo nội dung của phiếu điều tra, cần đảm bảo bí mật nội dung trả lời và địa chỉ của người trả lời.

– Ưu điểm và hạn chế của phương pháp điều tra viết:

+ Ưu điểm:

♦ Có thể thu thập được thông tin trên một khối lượng lớn đối tượng nghiên cứu trong một thời gian ngắn với địa bàn rộng rãi, dễ khái quát được vấn đề nghiên cứu, có thể thu thập được một số tài liệu lớn, không cần nhiều thời gian, nhiều người nghiên cứu và phương tiện phức tạp, chủ động khai thác thông tin cần cho vấn đề nghiên cứu qua nội dung câu hỏi. Tuy nhiên, chất lượng thông tin thu được phụ thuộc vào chất lượng của các câu hỏi điều tra và phụ thuộc vào nhân tố chủ quan của người được điều tra.

+ Nhược điểm:

♦ Kết quả của phương pháp điều tra viết nhiều khi không đảm bảo khách quan vì nó tiếp cận dưới góc độ nhận thức luận.

♦ Trong phương pháp điều tra viết, đặc biệt ở loại câu hỏi đóng là không khai thác được hết ý của đối tượng và ép đối tượng trả lời theo ý của nhà nghiên cứu.

– Những yêu cầu khi sử dụng phương pháp điều tra viết:

+ Đảm bảo số lượng nghiên cứu đủ lớn.

+ Đảm bảo các yêu cầu đối với việc thiết kế phiếu điều tra.

+ Yêu cầu khi điều tra:

Cần giải thích cho người được điều tra rõ nội dung câu hỏi và cách trả lời.

Áp dụng toán học để xử lí kết quả điều tra.

• Phương pháp tổng kết kinh nghiệm giáo dục:

Là vận dụng lí luận về khoa học giáo dục để thu thập, phân tích, đánh giá, khái quát hoá, hệ thống hoá thực tiễn môi trường giáo dục THCS, từ đó rút ra lí luận giáo dục.

– Các bước tiến hành tổng kết kinh nghiệm:

+ Xác định đối tượng (đề tài):

Xuất phát từ thực tiễn: Chọn những điển hình tốt hoặc xấu của thực tiễn giáo dục.

+ Trang bị lí luận:

◆ Chú ý đọc các loại tài liệu như: Các báo cáo tổng kết kinh nghiệm đã công bố có liên quan đến đề tài; Các tài liệu lí luận, phương pháp luận khoa học, phương pháp nghiên cứu cụ thể phục vụ cho vấn đề đã chọn (trong nước và ngoài nước);

◆ Sự trợ giúp của các chuyên gia, các nhà khoa học.

+ Mô tả quá trình phát triển của đối tượng được tổng kết:

◆ Thực trạng chất lượng ban đầu.

◆ Những yêu cầu khách quan, những động lực thúc đẩy sự phát triển.

◆ Những bước chuyển biến căn bản và những biện pháp đã có tác dụng đến những chuyển biến ấy, tức là thực trạng hiện nay của đối tượng. So sánh số liệu hiện nay với số liệu ban đầu để thấy sự phát triển đó chính là những tiến bộ hay những thiếu xót hoặc là những vấn đề chưa giải quyết.

+ Dùng lí luận phân tích:

◆ Đem lí luận ra phân tích thực tiễn.

◆ Từ phân tích thực tiễn rút ra những khái quát có tính chất lí luận. Đó là những khái quát về nguyên nhân, điều kiện, về biện pháp, về bước đi dẫn tới thành công hay thất bại.

+ Những kinh nghiệm rút ra cần được kiểm nghiệm, bổ sung:

Cần đưa các kết luận vào thực tế đa dạng để tiếp tục kiểm nghiệm và khẳng định nó bằng cách:

◆ Thông qua các hội thảo khoa học, hội nghị.

- Thông qua các phương tiện thông tin: tài liệu, báo chí, tạp chí (trung ương, ngành).
- Vận dụng ở các địa bàn và phạm vi khác nhau.

– Cấu trúc của báo cáo tổng kết kinh nghiệm giáo dục:

Viết kết quả của một công trình tổng kết kinh nghiệm (trình bày dưới hình thức một văn bản báo cáo), cấu trúc gồm 3 phần:

+ Phần 1: Cơ sở xuất phát và cách đặt vấn đề (phần mở đầu): Cần trình bày ngắn gọn nhưng phải được chọn lọc cẩn thận. Giới thiệu rõ thực tiễn phải giải quyết và phương hướng định giải quyết.
+ Phần 2: Giải quyết vấn đề (phần nội dung): Trình bày những biện pháp đã thực hiện.
+ Phần 3: Kết luận và kiến nghị.

– Ưu điểm và hạn chế của phương pháp tổng kết kinh nghiệm giáo dục:

+ Ưu điểm:

- Có khả năng ứng dụng được.
- Người nghiên cứu chủ động trong việc lựa chọn kinh nghiệm để tổng kết.
- Những tài liệu thu được rất phong phú, những kinh nghiệm thu được là kinh nghiệm sống.

+ Hạn chế:

Phương pháp này phụ thuộc vào năng lực chuyên môn và trình độ lí luận của người nghiên cứu, vào phẩm chất của người nghiên cứu.

– Yêu cầu khi sử dụng phương pháp này:

+ Người nghiên cứu cần được trang bị chu đáo về cơ cở lí luận của vấn đề nghiên cứu.
+ Những kết luận rút ra từ tổng kết kinh nghiệm nên coi là những giả định khoa học, cần tiếp tục chứng minh chứ chưa nên coi là kết luận cuối cùng.

– Bài tập thực hành:

Xây dựng mẫu phiếu điều tra về kết quả tham gia hoạt động ngoài giờ lên lớp của học sinh khối lớp ở trường THCS nơi anh (chị) công tác.

- Phương pháp trắc nghiệm:

  Trắc nghiệm là một phương pháp nghiên cứu đối tượng với những chương trình đặt trước, nhưng không gây biến đổi bất cứ một tiêu chí nào trên đối tượng nghiên cứu.

– Trong tâm lí học, người ta dùng trắc nghiệm để chẩn đoán các chức năng tâm lí.

– Trong giáo dục, trắc nghiệm được sử dụng khá rộng rãi. Có nhiều cách phân loại trắc nghiệm, mỗi cách phân loại đều dựa trên những cơ sở nhất định. Căn cứ vào mục đích trắc nghiệm có trắc nghiệm năng lực và trắc nghiệm kết quả học tập. Trắc nghiệm năng lực gồm trắc nghiệm trí thông minh dùng để thăm dò một số năng lực trí tuệ (khả năng ghi nhớ, chú ý, tưởng tượng...). Các trắc nghiệm về năng lực đặc biệt (năng lực giác quan, cơ khí, văn phòng, năng lực âm nhạc, nghệ thuật...). Trắc nghiệm kết quả học tập được sử dụng rộng rãi nhất trong lĩnh vực giáo dục để đo lường tri thức, kĩ năng, thái độ của học sinh THCS trong quá trình học tập các môn học cũng như quá trình tu dưỡng và rèn luyện đạo đức. Kết quả trắc nghiệm khi được xử lí cũng là một kênh thông tin có giá trị cho người GV THCS trong quá trình giáo dục học sinh.

## Hoạt động 2: Thực hành các phương pháp tìm hiểu môi trường giáo dục Trung học cơ sở

### Nhiệm vụ

– Học viên đọc và tiếp nhận các yêu cầu thực hành.

– Trên cơ sở lí thuyết về các phương pháp tìm hiểu môi trường giáo dục THCS, các học viên thực hành sử dụng một trong các phương pháp để tìm hiểu môi trường giáo dục học sinh lớp mình giảng dạy/ chủ nhiệm trong thực tế hoặc qua một tình huống sư phạm.

– Các học viên chia sẻ, thảo luận về bài thực hành của mình.

– Rút ra các kết luận sư phạm.

### Thông tin cho hoạt động

– Đây là hình thức thực hành cá nhân, các học viên sẽ thực hành theo từng phương pháp (xây dựng mẫu phiếu điều tra, xây dựng các câu hỏi trắc nghiệm, chuẩn bị câu hỏi cho một buổi phỏng vấn phụ huynh học sinh...).

– Sau khi đã có kết quả làm việc cá nhân, các học viên trao đổi và đánh giá sản phẩm thực hành.

– GV đưa ra những kết luận sư phạm về việc cần thiết phải sử dụng kết hợp và sáng tạo các phương pháp tìm hiểu thông tin về môi trường giáo dục học sinh THCS.

– Bài tập thực hành.

### 2.4. KIỂM TRA ĐẦU RA

Câu 1: Bằng lí luận và thực tiễn, anh (chị) hãy lí giải tại sao không có phương pháp tìm hiểu môi trường giáo dục tối ưu mà chỉ có sự tối ưu trong kết hợp các phương pháp?

Câu 2: Những thông tin thu được về môi trường giáo dục THCS phải đảm bảo yêu cầu nào sau đây?

a) Chính xác

b) Khách quan

c) Khoa học

d) Cả 3 yêu cầu trên.

Câu 3: Xây dựng phiếu điều tra nghiên cứu kết quả tham gia hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của học sinh THCS.

## Nội dung 3

### KĨ THUẬT XỬ LÍ THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

### 3.1. MỤC TIÊU

Sau khi học tập, nghiên cứu nội dung này, học viên sẽ:

– Trình bày được các kĩ thuật xử lí thông tin thu được về môi trường giáo dục THCS.

– Có kĩ năng thực hành các kĩ thuật xử lí thông tin đã thu thập được.

– Có thái độ tự học và nghiên cứu tích cực, chủ động, sáng tạo.

### 3.2. KIỂM TRA ĐẦU VÀO

Câu 1: Việc xử lí thông tin về môi trường giáo dục THCS có ý nghĩa gì đối với nhà giáo dục?

a) Giúp nhà giáo dục định lượng cụ thể những thông tin thu được.

b) Giúp nhà giáo dục thu được thông tin mang tính chất định tính.

c) Giúp nhà giáo dục có được những thông tin ngược để định hướng cho hoạt động giáo dục tiếp theo.

d) Tất cả các ý nghĩa trên.

Câu 2: Anh (chị) biết có những cách xử lí thông tin nào? Mô tả kĩ thuật xử lí thông tin mà anh (chị) biết.

## 3.3. CÁC HOẠT ĐỘNG

### Hoạt động 1: Một số kĩ thuật xử lí thông tin về môi trường giáo dục Trung học cơ sở

#### Nhiệm vụ

– Học viên đọc và tiếp nhận các thông tin về hoạt động.

– Tìm hiểu một số kĩ thuật xử lí thông tin về môi trường giáo dục THCS.

– Kết luận sư phạm về các kĩ thuật cơ bản để xử lí thông tin thu được về môi trường giáo dục.

#### Thông tin cho hoạt động

Xử lí tài liệu cần phân tích về định tính và định lượng.

– Phân tích định lượng: Là xem xét, đánh giá về số lượng các kết quả nghiên cứu, thể hiện bằng các con số. Để phân tích định lượng, cách hay sử dụng nhất là dùng các thuật toán.

Một số công thức toán thống kê thường dùng để xử lí các thông tin thu được:

+ Công thức tính tỉ lệ phần trăm.

+ Công thức tính trung bình cộng:

$$\overline{X} = \frac{1}{n}\sum_{i=1}^{k} Xi.fi$$

Trong đó: $\overline{X}$ : Điểm trung bình cộng

Xi: Điểm số

fi: Số lần xuất hiện điểm số

n: Số sinh viên làm bài kiểm tra

+ Công thức tính phương sai:

$$\sigma^2 = \frac{1}{n}\sum_{i=1}^{k}\left(Xi - \overline{X}\right)^2 .fi$$

+ Độ lệch chuẩn: Đo mức độ phân tán của các số liệu xung quanh giá trị trung bình.

$$\sigma = \sqrt{\frac{1}{n}\sum_{i=1}^{k}\left(Xi - \overline{X}\right)^2 .fi}$$

+ Sử dụng kiểm định t–test để so sánh giá trị trung bình của hai mẫu độc lập, với giả thiết: $H_o$: "Không có sự khác nhau về giá trị trung bình giữa hai tổng thể" và đối thiết $H_1$: "Có sự khác nhau về giá trị trung bình giữa hai tổng thể".

Để kiểm định các giả thiết này cần tính đại lượng kiểm định:

$$t = \frac{\overline{X1} - \overline{X2}}{\sqrt{\frac{\delta_1^2}{n_1 - 1} + \frac{\delta_2^2}{n_2 - 1}}}$$

*Trong đó*: $n_1$: Số lượng khách thể nghiên cứu của nhóm 1.

$n_2$: Số lượng khách thể nghiên cứu của nhóm 2.

$\overline{X}_1$: Giá trị trung bình tương ứng với nhóm 1.

$\overline{X}_2$: Giá trị trung bình tương ứng với nhóm 2.

$\delta_1$: Độ lệch chuẩn tương ứng với nhóm 1.

$\delta_2$: Độ lệch chuẩn tương ứng với nhóm 2.

Đại lượng thống kê t–test được tra trong bảng phân phối T (phân phối Student) với số bậc tự do $n_1 + n_2 - 2$ và mức ý nghĩa $\alpha$.

Nếu $|t| \geq$ t–test thì bác bỏ giả thiết $H_o$, chấp nhận giả thiết $H_1$

Nếu $|t| <$ t–test thì chấp nhận giả thiết $H_o$, bác bỏ giả thiết $H_1$.

+ Hệ số biến thiên v:

Để đo mức độ tập trung hay phân tán của các điểm số xung quanh giá trị trung bình, ta sử dụng hệ số biến thiên v:

$$v = \frac{\delta}{\bar{X}} \times 100\%$$

Hệ số biến thiên v càng nhỏ thì điểm số càng tập trung xung quanh giá trị trung bình.

Sau khi có những con số cụ thể về thông tin thu được qua các phương pháp toán học, cần lập bảng số liệu, sơ đồ, biểu đồ, đồ thị để biểu diễn kết quả định lượng.

– Phân tích định tính:

Xem xét, đánh giá kết quả nghiên cứu về mặt chất lượng, đòi hỏi phải phân tích, lí giải các số liệu trên cơ sở đối chiếu với tri thức lí luận, hoặc qua quan sát, qua trao đổi, phỏng vấn với đồng nghiệp về những nội dung đang nghiên cứu.

## Hoạt động 2: Thực hành kĩ thuật xử lí thông tin về môi trường giáo dục Trung học cơ sở

### Nhiệm vụ

– Đọc và tiếp nhận các yêu cầu thực hành

– Thực hành các kĩ thuật xử lí thông tin về môi trường giáo dục

– Thảo luận về những khó khăn và thuận lợi của việc xử lí thông tin

– Rút ra những lưu ý khi xử lí thông tin

### Thông tin cho hoạt động

– Mỗi học viên sẽ thực hành độc lập các kĩ thuật xử lí thông tin về môi trường giáo dục:

+ Thực hành sử dụng các thuật toán, lập bảng biểu, biểu diễn qua sơ đồ, biểu đồ.

+ Phân tích thông tin thu được về mặt định tính.

– Thảo luận, đánh giá bài tập thực hành của các cá nhân theo nhóm.

– Rút ra những lưu ý khi tiến hành xử lí và phân tích, diễn giải thông tin về môi trường giáo dục.

### 3.5. KIỂM TRA ĐẦU RA

Câu 1: Anh (chị) hãy phân tích ý nghĩa của việc xử lí thông tin về môi trường giáo dục.

Câu 2: Có ý kiến cho rằng khi xử lí và phân tích thông tin về môi trường giáo dục, yêu cầu quan trọng nhất đặt ra cho nhà giáo dục là phải đảm bảo tính khách quan và trung thực. Anh (chị) hãy bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên.

## Nội dung 4

**ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ**

### 4.1. MỤC TIÊU

- Học viên có khả năng đánh giá được một cách chính xác mức độ ảnh hưởng của môi trường giáo dục đến việc học tập và rèn luyện của học sinh THCS.
- Biết cách phát huy những tác động tích cực từ phía môi trường đến sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hạn chế những tác động có ảnh hưởng tiêu cực.
- Có khả năng phối kết hợp các lực lượng giáo dục nhằm tạo ra một môi trường giáo dục thống nhất, lành mạnh, giúp cho việc học tập và rèn luyện của học sinh THCS đạt được hiệu quả tối ưu.

### 4.2. KIỂM TRA ĐẦU VÀO

Câu 1: Theo anh (chị), sự khác biệt giữa môi trường giáo dục gia đình và nhà trường là gì?

Câu 2: Anh (chị) hãy phân tích khái quát ý nghĩa nguyên lí giáo dục "Kết hợp giữa giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội".

## 4.3. CÁC HOẠT ĐỘNG

### Hoạt động 1: Đánh giá mức độ ảnh hưởng của môi trường giáo dục đến việc học tập và rèn luyện của học sinh Trung học cơ sở

Nhiệm vụ

– Đọc và tiếp nhận các thông tin về hoạt động.

– Trên cơ sở những tri thức đã tìm hiểu ở nội dung 1, thảo luận nhanh về các mức độ ảnh hưởng (theo hướng tích cực, tiêu cực) của các môi trường giáo dục đối với học sinh THCS.

– Chính xác hoá lại tri thức.

Thông tin cho hoạt động

• Môi trường giáo dục gia đình:

– Ý nghĩa của giáo dục gia đình:

+ Gia đình là môi trường cơ sở, đầu tiên có vị trí quan trọng và ý nghĩa lớn lao đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách học sinh THCS. Đó là môi trường gắn bó trong suốt cuộc đời của mỗi cá nhân. Gia đình là nơi tạo ra mối quan hệ gắn bó, ruột thịt, huyết thống – một thứ tình cảm khó có thể chia cắt.

+ Cha mẹ là người thầy giáo, nhà sư phạm đầu tiên giáo dục con cái mình những phẩm chất nhân cách cơ bản làm nền tảng cho quá trình phát triển toàn diện về đạo đức, trí lực, thể lực, thẩm mĩ, lao động theo các yêu cầu của xã hội.

+ Giáo dục gia đình có những mặt mạnh, mặt tích cực là mang tính xúc cảm cao, gắn bó với quan hệ ruột thịt, máu mủ nên có khả năng cảm hoá rất lớn. Giáo dục gia đình cũng mang tính cá biệt rõ rệt dựa trên cơ sở huyết thống, yêu thương sâu sắc, lâu dài, bền vững và cũng rất linh hoạt, thiết thực trên cơ sở nhu cầu và hứng thú của cá nhân. Mặc dù vậy, giáo dục gia đình không thể thay thế hoàn toàn giáo dục của nhà trường.

– Đánh giá về đặc điểm của giáo dục gia đình hiện nay:

+ Đất nước ta đã và đang ở trong nền kinh tế thị trường nên đã có những tác động mạnh mẽ đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của gia đình.

+ Quy mô gia đình nhỏ, ít thế hệ, ít nhân khẩu ngày càng phổ biến, tạo nên nếp sống linh hoạt, năng động so với gia đình truyền thống đông người, nhiều thế hệ sống chung với nhau dưới một mái nhà.

+ Ảnh hưởng của văn hoá ngoại lai và quy luật cạnh tranh cũng làm phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ những tệ nạn xã hội, tạo ra những thách thức lớn và những khó khăn trong việc lựa chọn các giá trị chân, thiện, mĩ trong giáo dục gia đình hiện nay.

+ Nền sản xuất công nghiệp làm cho mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong gia đình ngày càng lỏng lẻo, thời gian tiếp xúc giữa cha mẹ với con cái ngày càng ít đi.

– Một số sai lầm thường gặp trong giáo dục gia đình:

+ Quá nuông chiều con cái.

+ Thường xuyên đánh mắng thô bạo con cái.

+ Thả nổi tự do việc học tập và tu dưỡng của con.

+ Thái độ thất thường, luôn đặt kì vọng quá cao so với khả năng của con.

– Một số nguyên tắc trong xây dựng môi trường giáo dục gia đình:

+ Tạo không khí gia đình êm ấm, hoà thuận.

+ Nghiêm khắc nhưng khoan dung, độ lượng.

+ Thống nhất mục đích giáo dục theo mô hình lí tưởng của xã hội.

+ Thể hiện rõ nét uy quyền thực sự của bố mẹ trong giáo dục gia đình.

+ Tôn trọng nhân cách trẻ.

+ Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động.

– Bài tập thực hành: Phân tích mối quan hệ của người giáo viên với gia đình trong công việc giáo dục học sinh ở lớp mình phụ trách hoặc đơn vị công tác của anh (chị).

• Môi trường giáo dục nhà trường:

– So với môi trường giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường rộng lớn hơn, phong phú hơn, hấp dẫn hơn với học sinh THCS. Trong nhà trường, trẻ được giao lưu với bạn bè cùng lứa tuổi, được tham gia vào nhiều hoạt động mang tính xã hội, giúp cho quá trình xã hội hoá cá nhân phong phú, toàn diện hơn.

– Nhà trường là một thiết chế xã hội chuyên biệt thực hiện chức năng cơ bản là tái sản xuất sức lao động, phát triển nhân cách theo hướng duy trì, phát triển xã hội. Nhà trường THCS có chức năng hình thành và phát

triển nhân cách học sinh thông qua hoạt động dạy học, giáo dục. Tri thức trong nhà trường là những kinh nghiệm của nhân loại đã được chọn lọc và tích lũy. Nhà trường là tổ chức chuyên biệt có chức năng truyền thụ toàn bộ kinh nghiệm lịch sử của nhân loại cho thế hệ trẻ phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi.

– Giáo dục nhà trường có sự thống nhất về mục đích, mục tiêu cụ thể, được thực hiện bởi đội ngũ các nhà sư phạm được đào tạo và bồi dưỡng chu đáo; tiến hành giáo dục theo một chương trình, nội dung, phương pháp sư phạm nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển nhân cách toàn diện, hướng tới sự thành đạt của con người.

– Ngày nay giáo dục nhà trường luôn gắn với môi trường sống và môi trường tự nhiên, với các cơ sở sản xuất nhằm phát huy nội lực, lôi cuốn sự tham gia của các lực lượng xã hội vào giáo dục học đường, mặt khác, giúp cho nội dung giáo dục gắn với đời sống sản xuất xã hội. Ngày nay, mỗi cá nhân không chỉ tiếp thu tri thức từ nhà trường mà còn tiếp nhận thông tin qua các kênh như sách, báo, mạng Internet...

– Giáo dục nhà trường phải kết hợp chặt chẽ với giáo dục gia đình và xã hội thì mới đạt được mục tiêu chung về giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ. Điều quan trọng nhất là phải có sự thống nhất về định hướng giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

– Bài tập thực hành: Xác định vai trò của nhà trường trong việc giáo dục học sinh THCS và vai trò của người giáo viên trong việc phối hợp với các yếu tố môi trường khác để giáo dục học sinh THCS.

• Môi trường giáo dục xã hội

– Giáo dục xã hội là hoạt động của các tổ chức, các nhóm xã hội có chức năng giáo dục theo quy định của pháp luật hoặc các chương trình giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

– Môi trường giáo dục trong xã hội hiện đại không còn hạn chế trong một quốc gia hay một địa phương mà đã mở rộng ra toàn thế giới nhờ các phương tiện thông tin đại chúng. Trong môi trường xã hội, mỗi nhóm, mỗi tổ chức, mỗi quốc gia đều có những mục đích, yêu cầu, nội dung, phương thức tiến hành giáo dục riêng biệt. Đây là vấn đề phức tạp của môi trường xã hội.

– Giáo dục của xã hội phải kết hợp chặt chẽ với giáo dục gia đình và nhà trường, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo con người theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

## Hoạt động 2: Một số biện pháp phối kết hợp các môi trường giáo dục

### Nhiệm vụ

– Học viên đọc và tiếp nhận các thông tin về hoạt động.
– Tìm hiểu và trình bày các giải pháp cơ bản để phối kết hợp các môi trường giáo dục nhằm tạo ra một môi trường thống nhất, lành mạnh, đồng tâm để giáo dục học sinh.
– Đề xuất những phương hướng ứng dụng cụ thể trong từng cơ sở, trên mỗi địa bàn giáo dục học sinh THCS khác nhau.

### Thông tin cho hoạt động

• Nội dung phối hợp:
– Thống nhất mục đích, kế hoạch chăm sóc, giáo dục học sinh của tập thể sư phạm nhà trường với phụ huynh, với các đoàn thể, cơ sở sản xuất, các cơ quan văn hoá– giáo dục ngoài nhà trường.
– Theo dõi, đánh giá kết quả quá trình giáo dục học sinh trong nhà trường và ở địa phương nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả giáo dục.
– Gia đình phải tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mĩ cho học sinh; người lớn có trách nhiệm giáo dục, làm gương cho con em, cùng nhà trường nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.
– Đẩy mạnh sự nghiệp xã hội hoá giáo dục, tạo động lực mạnh mẽ cũng như điều kiện thuận lợi cho hệ thống nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục đào tạo ở tất cả các cấp học.
• Yêu cầu để thực hiện tốt việc phối hợp giữa các môi trường giáo dục:
– Đối với gia đình:
+ Hoạt động tích cực trong tổ chức hội phụ huynh nhà trường nhằm góp phần xây dựng cơ sở vật chất, tinh thần, thực hiện xã hội hoá giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường nâng cao chất lượng giáo dưỡng và giáo dục.

+ Duy trì thường xuyên, đều đặn mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình thông qua sổ liên lạc, điện thoại, phiếu đánh giá để gia đình biết được kết quả học tập, rèn luyện của con em mình. Ngược lại, nhà trường cũng nắm bắt được tình hình học tập, sinh hoạt của học sinh ngoài giờ lên lớp.

– Đối với nhà trường:

– Cần phát huy vai trò trung tâm trong việc liên lạc, phối hợp giáo dục; nhà trường chủ động phổ biến nội dung, mục đích giáo dục đến các tổ chức xã hội của địa phương nhằm định hướng tác động thống nhất đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách học sinh.

+ Thực hiện vai trò là trung tâm văn hoá, giáo dục của địa phương, nhà trường cần tổ chức tuyên truyền, phổ biến các tri thức khoa học kĩ thuật, công nghệ, văn hoá, xã hội, những kiến thức về phương pháp, biện pháp giáo dục có hiệu quả, tránh được những sai lầm, lệch lạc trong việc giáo dục học sinh.

+ Nhà trường cần phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức cho học sinh tham gia tích cực vào các hoạt động văn hoá xã hội nhằm góp phần cải tạo môi trường ngày càng tốt đẹp, lành mạnh và góp phần vào quá trình hình thành, phát triển nhân cách học sinh THCS.

+ Nhà trường giúp địa phương theo dõi, đánh giá kết quả của quá trình giáo dục học sinh, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của sự liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa các môi trường và khai thác vai trò, ưu thế đặc biệt của giáo dục gia đình.

+ Xây dựng, củng cố hội phụ huynh học sinh, ban giáo dục địa phương tạo nên sức mạnh tổng hợp, đồng bộ, hướng vào mục tiêu giáo dục thế hệ trẻ một cách thường xuyên, có tổ chức, có kế hoạch.

– Yêu cầu với các tổ chức xã hội:

+ Tiềm năng giáo dục của các lực lượng xã hội là vô cùng to lớn trong tất cả các lĩnh vực. Bởi vậy, các đoàn thể xã hội cần phối hợp chặt chẽ với gia đình và nhà trường.

+ Chính quyền các cấp động viên tất cả mọi lực lượng, mọi tầng lớp xây dựng thực hiện nếp sống văn minh, lành mạnh, mỗi người lớn là một tấm gương cho học sinh noi theo.

## 4.4. KIỂM TRA ĐẦU RA

Câu 1: Bằng những hiểu biết của mình về vai trò của môi trường đối với việc học tập và rèn luyện của học sinh THCS, anh (chị) hãy bày tỏ quan điểm của mình về câu nói của John Waston: "Hãy cho tôi một tá trẻ em khỏe mạnh, phát triển bình thường và thế giới của riêng tôi, trong đó tôi có thể chăm sóc chúng và tôi cam đoan rằng khi chọn một cách ngẫu nhiên một đứa trẻ, tôi có thể biến nó thành một chuyên gia bất cứ lĩnh vực nào – một bác sĩ, một luật sư, một thương gia hay thậm chí một kẻ trộm cắp hạ đẳng – không phụ thuộc vào tư chất và năng lực của nó, vào nghề nghiệp và chủng tộc của cha ông nó".

Câu 2: Thông qua ý kiến nhận xét trong sổ liên lạc của phụ huynh về một học sinh chưa cố gắng thực hiện thời gian học tập ở nhà, hay cãi lại lời cha mẹ, ông bà, anh (chị) hãy chuẩn bị nội dung để trao đổi với gia đình học sinh.

## D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Học viên cần có các giáo trình và tài liệu sau:


– PGS.TS. Trần Thị Tuyết Oanh (Chủ biên), *Giáo dục học* (Tập 1 + 2), NXB Đại học Sư phạm, 2006.

– PGS.TS. Phan Thị Hồng Vinh (Chủ biên), *Giáo dục học* (Biên soạn theo Module), NXB Đại học Sư phạm, 2010.

– PGS.TS. Phạm Viết Vượng, *Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm, 2010.

– *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997.

– Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thàng, *Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm, 2003.